

BỘ VĂN HÓA - THÔNG TIN**BỘ VĂN HÓA -
THÔNG TIN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 69/2006/TT-BVHTT

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2006

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện một số quy định về kinh doanh vũ trường, karaoke, trò chơi điện tử quy định tại Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng ban hành kèm theo Nghị định 11/2006/NĐ-CP

Thi hành Nghị định 11/2006/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng, Bộ Văn hóa - Thông tin đã trao đổi thống nhất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Công văn số 6049/BKH-LĐVX ngày 16/8/2006) và ban hành Thông tư này hướng dẫn thực hiện một số quy định về kinh doanh vũ trường, karaoke, trò chơi điện tử như sau:

I. Quy định chung.

1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh vũ trường, karaoke, trò chơi điện tử (sau đây gọi là người kinh doanh) phải tuân theo quy định tại Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005, có đủ điều kiện quy định tại Quy chế ban hành kèm theo Nghị định 11/2006/NĐ-CP (sau đây gọi là Quy chế); khi hoạt động phải tuân theo quy định tại Quy chế.

2. Giấy phép kinh doanh quy định tại Quy chế thay cho Giấy phép hành nghề quy định tại Quy chế ban hành kèm theo Nghị định 87/CP ngày 12 tháng 12 năm 1995 của Chính phủ. Từ ngày Nghị định 11/2006/NĐ-CP có hiệu lực, các cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép sử dụng Giấy phép kinh doanh vũ trường, Giấy phép kinh doanh karaoke thống nhất theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Cơ quan hành chính nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 32 và khoản 1 Điều

38 của Quy chế bao gồm cơ quan quản lý Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội các cấp, doanh trại Công an, Quân đội; các tổ chức quốc tế, Đại sứ quán, Lãnh sự quán các nước

4. Trường học quy định tại khoản 1 Điều 32 và khoản 1 Điều 38 của Quy chế là các trường mẫu giáo, trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông trong hệ thống giáo dục quốc dân.

5. Hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử quy định tại Quy chế không bao gồm trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài được quy định tại Quyết định số 32/2003/QĐ-TTg ngày 27/02/2003 của Thủ tướng Chính phủ.

II. Những quy định cụ thể.

1. Cơ sở lưu trú du lịch được công nhận xếp hạng sao hoặc hạng cao cấp kinh doanh vũ trường, karaoke không phải xin Giấy phép kinh doanh theo quy định tại khoản 3 Điều 66 của Luật Du lịch ngày 14-6-2005 nhưng kinh doanh vũ trường phải có đủ điều kiện quy định tại Điều 32, kinh doanh karaoke phải có đủ điều kiện quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 6 Điều 38 của Quy chế; điều kiện kinh doanh karaoke quy định tại khoản 5 Điều 38 của Quy chế thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Luật Doanh nghiệp.

2. Người điều hành trực tiếp tại phòng khiêu vũ phải có trình độ trung cấp chuyên ngành văn hóa nghệ thuật trở lên quy định tại khoản 2 Điều 32 của Quy chế bao gồm các ngành nghệ thuật biểu diễn, mỹ thuật, điện ảnh, văn hóa quần chúng, quản lý văn hóa.

3. Cửa phòng karaoke quy định tại khoản 3 Điều 38 của Quy chế phải là cửa kính không màu; nếu có khung thì không được quá hai khung dọc và ba khung ngang; diện tích khung không quá 15% diện tích cửa.

4. Khoảng cách từ 200m trở lên quy định tại khoản 1 Điều 32 và khoản 1 Điều 38 của Quy chế tính từ cửa phòng khiêu vũ, phòng hát karaoke đến cổng trường học, bệnh viện, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử văn hóa, cơ quan hành chính nhà nước. Khoảng cách đó chỉ áp dụng trong các trường hợp trường học, bệnh viện, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử văn hóa, cơ quan hành chính nhà nước có trước, chủ địa điểm kinh doanh đăng ký kinh doanh hoặc xin Giấy phép kinh doanh sau.

5. Khoảng cách từ 200m trở lên quy định tại điểm a khoản 1 Điều 43 của Quy chế tính từ cửa hàng trò chơi điện tử đến cổng các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông.

6. Địa điểm kinh doanh karaoke trong khu dân cư phải được sự đồng ý bằng văn bản của các hộ liền kề quy định tại khoản 5 Điều 38 của Quy chế được hiểu và thực hiện như sau:

a) Hộ liền kề là hộ có tường nhà ở liền kề với tường phòng hát karaoke hoặc đất liền kề mà tường nhà ở cách tường phòng hát karaoke dưới 5 m.

b) Hộ liền kề có quyền đồng ý cho người kinh doanh karaoke trong trường hợp hộ liền kề đã ở từ trước, người kinh doanh xin Giấy phép kinh doanh sau.

Trường hợp người kinh doanh đã được cấp Giấy phép kinh doanh trước, hộ liền kề xây dựng nhà ở sau hoặc được quyền đến ở sau khi người kinh doanh đã được cấp Giấy phép kinh doanh thì hộ liền kề không có quyền quy định tại khoản 5 Điều 38 của Quy chế.

c) Văn bản đồng ý của hộ liền kề phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn sở tại, do người xin Giấy phép kinh doanh nộp trong hồ sơ xin cấp giấy phép và có giá trị trong suốt thời hạn người kinh doanh được quyền kinh doanh quy định trong giấy phép.

d) Trường hợp hộ liền kề không có văn bản đồng ý nhưng cũng không phản đối thì được coi là không có ý kiến và phải có văn bản xác định hộ liền kề không có ý kiến. Văn bản xác định hộ liền kề không có ý kiến được hiểu là hộ liền kề không sử dụng quyền quy định tại khoản 5 Điều 38 của Quy chế.

7. Mọi trường hợp gia hạn, đổi, cấp mới Giấy phép kinh doanh vũ trường, karaoke phải có đủ điều kiện quy định tại Quy chế và hướng dẫn tại Thông tư này.

8. Hồ sơ và thủ tục xin cấp Giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường:

Người xin cấp Giấy phép kinh doanh vũ trường nộp hồ sơ xin cấp giấy phép tại Sở Văn hóa - Thông tin; xin cấp Giấy phép kinh doanh karaoke nộp hồ sơ xin cấp Giấy phép tại Sở Văn hóa - Thông tin hoặc cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh cấp huyện theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Hồ sơ xin phép gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh (mẫu 1, mẫu 3).
- Hợp đồng giữa người xin Giấy phép kinh doanh với người điều hành hoạt động trực tiếp tại phòng khiêu vũ, kèm theo bản sao có giá trị pháp lý văn bằng của người điều hành (đối với kinh doanh vũ trường).
- Văn bản đồng ý của các hộ liền kề hoặc văn bản xác định hộ liền kề không có ý kiến (đối với kinh doanh karaoke).

Cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh có trách nhiệm kiểm tra điều kiện thực tế của người xin Giấy phép kinh doanh và đối chiếu với quy hoạch để cấp giấy phép (mẫu 2, mẫu 4).

9. Đối với các đối tượng sau đây chỉ được hoạt động đến hết thời hạn quy định trong Giấy phép kinh doanh (Giấy phép hành nghề) đã được cấp:

a) Câu lạc bộ đã được cấp Giấy phép hành nghề vũ trường theo quy định tại Nghị định 36/CP ngày 19 tháng 6 năm 1996 của Chính phủ.

b) Phòng karaoke có diện tích từ 14 m² đến dưới 20 m² đã được cấp Giấy phép hành nghề theo quy định tại Nghị định 36/CP ngày 19 tháng 6 năm 1996 của Chính phủ.

c) Các vũ trường, nhà hàng karaoke đã được cấp Giấy phép kinh doanh trước ngày Nghị định 11/2006/NĐ-CP có hiệu lực nhưng cách trường học, bệnh viện, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử - văn hóa, cơ quan hành chính nhà nước dưới 200m hoặc không phù hợp với quy hoạch về vũ trường, karaoke đã được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt theo quy định tại khoản 4 Điều 32, khoản 6 Điều 38 của Quy chế và điểm 2, điểm 4 của Chỉ thị 17/2005/CT-TTg ngày 25/5/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

10. Các đối tượng sau đây phải ngừng kinh doanh:

a) Ngừng kinh doanh kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực:

Các phòng karaoke có diện tích từ 14m² đến 20m² trong các cơ sở lưu trú du lịch từ một sao trở lên đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trước ngày Nghị định 11/2006/NĐ-CP có hiệu lực.

b) Ngừng kinh doanh kể từ ngày Quyết định phê duyệt quy hoạch vũ trường, karaoke của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có hiệu lực đối với các vũ trường, phòng karaoke trong các cơ sở lưu trú du lịch từ 1 sao trở lên đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trước ngày Nghị định 11/2006/NĐ-CP có hiệu lực nhưng không phù hợp với quy hoạch về vũ trường, karaoke đã được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt theo quy định tại khoản 4 Điều 32, khoản 6 Điều 38 của Quy chế và điểm 2, điểm 4 của Chỉ thị 17/2005/CT-TTg ngày 25/5/2005.

11. Đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp Giấy phép đầu tư kinh doanh vũ trường, karaoke, trò chơi điện tử thì thời hạn kinh doanh và địa điểm kinh doanh vũ trường, karaoke, trò chơi điện tử thực hiện theo quy định tại giấy phép đã được cấp.

III. Tổ chức thực hiện.

1. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Ban hành kèm theo Thông tư này các mẫu: Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vũ trường (mẫu 1), Giấy phép kinh doanh vũ trường (mẫu 2), đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh karaoke (mẫu 3), Giấy phép kinh doanh karaoke (mẫu 4).

3. Người kinh doanh không đảm bảo đủ điều kiện kinh doanh quy định tại Quy chế phải ngừng kinh doanh; người có hành vi vi phạm phải bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định 56/2006/NĐ-CP ngày 06/6/2006 của Chính phủ; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh đã được cấp mà người kinh doanh không đảm bảo đủ điều kiện kinh doanh phải được thu hồi theo quy định của pháp luật.

4. Trách nhiệm của Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Bộ Văn hóa - Thông tin có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh cấp phép theo đúng quy định tại Quy chế và hướng dẫn tại Thông tư này; chỉ đạo Thanh tra Bộ và các Sở Văn hóa - Thông tin tổ chức thanh tra, kiểm tra hoặc phối hợp với các ngành có liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra để phát hiện và xử lý vi phạm trong việc cấp giấy phép và trong hoạt động karaoke, vũ trường, trò chơi điện tử theo thẩm quyền.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành nghề karaoke, vũ trường, trò chơi điện tử theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

c) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chức năng của tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép kinh doanh; chỉ đạo, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động kinh doanh karaoke, vũ trường, trò chơi điện tử theo thẩm quyền.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các địa phương cần phản ánh kịp thời về Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để nghiên cứu, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đỗ Quý Doãn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH VỮ TRƯỜNG

Kính gửi: Sở Văn hóa - Thông tin

1. Tên cơ quan, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép kinh doanh (viết bằng chữ in hoa)

- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh..... ngày cấp..... nơi cấp..... (đối với doanh nghiệp)
- Số, ngày tháng năm quyết định thành lập (đối với đơn vị sự nghiệp).....

2. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên (viết bằng chữ in hoa):
- Năm sinh
- Chức danh
- Số chứng minh nhân dân..... ngày cấp..... nơi cấp

3. Người điều hành hoạt động trực tiếp tại phòng khiêu vũ:

- Họ và tên (viết bằng chữ in hoa).....
- Năm sinh.....
- Số chứng minh thư nhân dân..... ngày cấp..... nơi cấp
- Trình độ chuyên ngành văn hóa, nghệ thuật.....

4. Nội dung đề nghị cấp giấy phép:

- Địa chỉ kinh doanh:
- Tên, biển hiệu của vũ trường (nếu có)
- Số lượng phòng khiêu vũ
- Diện tích phòng khiêu vũ

5. Cam kết:

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định 11/2006/NĐ-CP và các văn bản pháp luật liên quan khi hoạt động kinh doanh.
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ xin giấy phép kinh doanh.

Tài liệu kèm theo

- Bản sao có giá trị pháp lý đăng ký kinh doanh
- Bản sao có giá trị pháp lý văn bằng của người điều hành
-
-

**Đại diện cơ quan, doanh nghiệp
đề nghị cấp giấy phép
(Ký tên và đóng dấu)**

09693838

NHỮNG ĐIỀU KIỆN PHẢI THỰC HIỆN

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ.....

SỞ VĂN HÓA - THÔNG TIN

**GIẤY PHÉP
KINH DOANH VŨ TRƯỜNG**

Năm 200....

1. Phòng khiêu vũ phải có diện tích từ 80m² trở lên.
2. Bảo đảm các điều kiện về an ninh, trật tự và phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường theo quy định.
3. Người điều hành hoạt động trực tiếp tại phòng khiêu vũ phải có trình độ trung cấp chuyên ngành văn hóa, nghệ thuật trở lên.
4. Bảo đảm âm thanh vang ra ngoài phòng khiêu vũ không vượt quá quy định của Nhà nước về tiêu chuẩn mức ồn tối đa cho phép. Ánh sáng trong phòng khiêu vũ trên 10 Lux tương đương 01 bóng đèn sợi đốt 40W cho 20m².
5. Có nội quy hoạt động được niêm yết công khai ở vũ trường để mọi người dễ nhận biết và thực hiện.
6. Chỉ sử dụng những bài hát, tác phẩm âm nhạc được phép lưu hành để khiêu vũ; người khiêu vũ phải mặc trang phục lịch sự.
7. Không để người say rượu, bia, người sử dụng các chất ma túy và các chất kích thích bị cấm sử dụng trong vũ trường.
8. Không cho người dưới 18 tuổi làm việc hoặc vào khiêu vũ tại vũ trường.
9. Nếu sử dụng nhân viên phục vụ phải có hợp đồng lao động và quản lý hoạt động của các nhân viên theo quy định tại Nghị định 44/2003/NĐ-CP ngày 09-5-2003 của Chính phủ.
10. Không được hoạt động sau 12 giờ đêm đến 8 giờ sáng.
11. Nghiêm cấm các hành vi nhảy múa thoát y hoặc các hành vi khác có tính chất khiêu dâm, môi giới và mua bán dâm, mua, bán hoặc sử dụng ma túy tại vũ trường.

**GIẤY PHÉP
KINH DOANH VŨ TRƯỜNG**

**GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA - THÔNG TIN TỈNH, THÀNH PHỐ...
CHO PHÉP**

- Tên tổ chức được cấp giấy phép (viết chữ in hoa).....
-
- Địa chỉ:.....
-
- Họ và tên người đại diện
- Năm sinh/...../.....
- Chức vụ
- Địa chỉ kinh doanh
- Số lượng phòng khiêu vũ
- Tên, biển hiệu kinh doanh
- (Những nội dung cần thiết khác.....)
- Giấy phép này có giá trị đến ngày..... tháng..... năm

Số giấy phép.....
, ngày..... tháng..... năm.....
GIÁM ĐỐC
 (Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Từ ngày..... tháng..... năm

đến ngày..... tháng..... năm

Số gia hạn:

....., ngày..... tháng..... năm.....
GIÁM ĐỐC
 (Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Từ ngày..... tháng..... năm.....

đến ngày..... tháng..... năm

Số gia hạn:

....., ngày..... tháng..... năm.....
GIÁM ĐỐC
 (Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH KARAOKE

Kính gửi: Sở Văn hóa - Thông tin (hoặc cơ quan cấp huyện được phân cấp)

1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép (viết bằng chữ in hoa)

-
- Địa chỉ
 - Điện thoại:
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ngày cấp..... nơi cấp.....

2. Nội dung đề nghị cấp giấy phép:

- Địa chỉ kinh doanh:
- Những hộ liên kê theo quy định gồm:
-
-
- Tên nhà hàng karaoke (nếu có)
- Số lượng phòng karaoke.....
- Diện tích các phòng:.....

3. Cam kết:

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định 11/2006/NĐ-CP và các văn bản pháp luật liên quan khi hoạt động kinh doanh.

09693838

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ xin giấy phép kinh doanh.

**Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp
giấy phép kinh doanh**

(Ký tên, nếu là tổ chức thì phải đóng dấu)

Tài liệu kèm theo

- Bản sao có giá trị pháp lý
đăng ký kinh doanh
- Văn bản đồng ý của các hộ
liên kề

-

-

NHỮNG ĐIỀU KIỆN PHẢI THỰC HIỆN

1. Phòng karaoke phải có diện tích từ 20m² trở lên, không kể công trình phụ.
2. Cửa phòng karaoke phải là cửa kính không màu, bên ngoài có thể nhìn thấy toàn bộ phòng.
3. Bảo đảm các điều kiện về an ninh, trật tự và phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường theo quy định.
4. Bảo đảm âm thanh vang ra ngoài phòng karaoke không vượt quá quy định của Nhà nước về tiêu chuẩn mức ồn tối đa cho phép (trừ các điểm hoạt động karaoke ở vùng nông thôn, vùng dân cư không tập trung). Ánh sáng trong phòng karaoke trên 10 Lux tương đương 01 bóng đèn sợi đốt 40W cho 20m².
5. Không được đặt khóa, chốt cửa bên trong hoặc đặt thiết bị báo động để đối phó với hoạt động kiểm tra của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
6. Không được bán rượu hoặc để cho khách uống rượu trong phòng karaoke.
7. Bảng, đĩa karaoke sử dụng tại phòng karaoke phải dán nhãn kiểm soát theo quy định. Nếu sử dụng đầu máy IC chips thì danh mục bài hát trong IC chips phải được Sở Văn hóa - Thông tin sở tại cho phép sử dụng và đóng dấu đỏ từng trang.
8. Mỗi phòng karaoke chỉ được sử dụng một nhân viên phục vụ từ 18 tuổi trở lên, nếu nhân viên phục vụ là người làm thuê thì phải có hợp đồng lao động và được quản lý theo quy định tại Nghị định 44/2003/NĐ-CP ngày 09-5-2003 của Chính phủ.
9. Không được hoạt động sau 12 giờ đêm đến 8 giờ sáng.
10. Nghiêm cấm các hành vi khiêu dâm, môi giới và mua bán dâm, mua, bán hoặc sử dụng ma túy tại phòng karaoke.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ.....
(hoặc Ủy ban nhân dân huyện, quận..... được phân cấp)

-----***-----

SỞ VĂN HÓA - THÔNG TIN

(hoặc cơ quan cấp huyện được phân cấp)

GIẤY PHÉP
KINH DOANH KARAOKE

Năm 200....

**GIẤY PHÉP
KINH DOANH KARAOKE**

GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA - THÔNG TIN TỈNH, THÀNH PHỐ....

(hoặc thủ trưởng cơ quan cấp huyện được phân cấp)

CHO PHÉP

- Tên tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép (viết chữ in hoa).....
-
- Năm sinh/...../..... (đối với cá nhân)
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số.....
ngày do cấp
- Địa chỉ kinh doanh
- Tên, biển hiệu kinh doanh
- Số lượng..... phòng
(Những nội dung cần thiết khác.....)
- Giấy phép này có giá trị đến ngày..... tháng..... năm.....
- Số giấy phép.....

....., ngày.....tháng năm.....

GIÁM ĐỐC

(hoặc thủ trưởng cơ quan cấp huyện được phân cấp)

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

SỐ TT	VỊ TRÍ, KÍCH THƯỚC PHÒNG	DIỆN TÍCH (m ²)

GIA HẠN

Từ ngày tháng năm.....

đến ngày..... tháng năm

Số gia hạn:

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)